

Bản án số: 08/2018/HS-ST
Ngày: 24-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà: **Phạm Thị Ngũ**.

- Bà: **Phan Thị Cẩm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Chiến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Trường** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2017/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2017; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Quốc H; Sinh năm: 1993; Tại: Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn Đạ M, xã Đ, huyện R, tỉnh L; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Quốc P, sinh năm 1973 và bà Phùng Thị Th, sinh năm: 1974; Vợ, con: chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 12/5/2016, Lê Quốc H bị Trưởng Công an huyện R xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, số tiền phạt là 750.000 đồng về hành vi tham gia đánh nhau.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/12/2016 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Vợ chồng ông: Nguyễn Văn Th; Sinh năm 1979; Bà: **Nguyễn Thị Ngọc A;** Sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện R, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông: Lương Trần Hoàng A; Sinh năm: 1992; Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn V, huyện H, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông: Bàn Tiến Đ; Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện R, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

4. Ông: Nguyễn Xuân Th; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Tổ 10, thôn 4, xã N, thành phố Đ, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Ông: Nguyễn Văn L; Sinh năm: 1996; Địa chỉ: Nhà trọ 6, đường Võ Trường T, phường S, thành phố Đ, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Ông: **Lê Đình Minh Nh**; Sinh năm: 1997; Địa chỉ: Số 3, đường Lương Đình C, phường B, thành phố Đ, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Ông: **Lê Văn Ph**; Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số 7 B, đường Bùi Thị X, phường B, thành phố Đ, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông: **Nguyễn Văn Đ**; Sinh năm: 1972; Địa chỉ: Tổ 1, thôn A, xã N, thành phố Đ, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông: **Nguyễn Huy H**; Sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số 4- L, thị trấn V, huyện H, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông: **Nguyễn Văn L**; Sinh năm: 1994; Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện R, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Bà: **Lê Thị H**; Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện R, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Ông: **Trần Ngọc Th**; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện R, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

6. Ông: **Huỳnh Văn Q**; Sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện R, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Ông: **Cầm Bá Th**; Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện R, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Bà: **Đặng Thị T**; Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn S, xã N, huyện R, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Bà: **Từ Thị Nh**; Sinh năm: 1963; Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện R, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

10. Ông: **Lê Văn Tr**; Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện R, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

11. Ông: **Lê Văn H**; Sinh năm: 1989; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện R, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

1. Ông: **Mai Xuân Đ**; Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông: **Trần Xuân M**; Sinh năm: 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện H, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông: **Nguyễn Văn H**; Sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện H, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Ông: **Nguyễn Thanh Đ**; Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện H, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Ông: **Lò Phước Th**; Sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện H, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Ông: **Ngô Việt H**; Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện H, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Ông: **Đinh Văn H**; Sinh năm: 1994; Địa chỉ: Thôn P, x T, huyện H, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

8. Bà: **Kim Thị Trà M**; Sinh năm: 1996; Địa chỉ: Thôn , xã T, huyện H, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Ông: **Kiều Huy H**; Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Thôn X, thị trấn V, huyện H, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được thể hiện như sau:

Vụ thứ nhất: Vào trưa ngày 20/3/2016, các đối tượng Trần Văn Th, Lê Văn Th, Lê Quốc H, Nguyễn Ngọc Ph và Đỗ Minh T uống rượu với nhau tại nhà T, ở thôn Đ, xã Đ, huyện R. Đến khoảng 14 giờ 30, Ph điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60K6-2243, chở Th về nhà Ph lấy 01 con gà đá, rồi đi đến nhà ông Nguyễn Văn Th ở cùng thôn, với mục đích rủ ông T chơi đá gà. Khi đến ông Th, Ph rủ ông Th đá gà nhưng ông Th và vợ là bà A không đồng ý. Hai bên lời qua tiếng lại, T đi đến chỗ bà A đang gọt củ dong ở hiên nhà, giật con dao rồi kê vào cổ bà A. Cháu đến kéo áo Th, thì bị Th dùng chân đạp ngã xuống đất. Cháu T la lên, thì bị Th dùng cán dao gõ vào đầu. Bà A nói “Mày đánh vậy, chết con tao”, thì Th cầm dao chém vào người bà . Bà A giơ tay trái lên đỡ, thì lưỡi dao trúng vào mặt ngoài cổ tay trái, chảy máu. Thấy vợ, con bị đánh, Ông Thiên đến giảng co với Th, Th ném con dao xuống ao, rồi nhặt một khúc cây để đánh ông Th. Lúc này, ông Th, bà A mỗi người cầm 01 khúc cây để đánh Th, làm Th bị chảy máu ở đầu. Anh C cầm 01 cái xà bách định đánh Th, nhưng bị anh Q ngăn lại. Th bỏ chạy ra đường, Ph ôm con gà rồi lấy xe mô tô chở Th đi. Khi đi đến gần nhà P, thì gặp H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47N4-2436, chở Th và T đi ngược chiều. Lúc này, Th có kể cho cả nhóm nghe về việc bị vợ chồng ông Th đánh chảy máu đầu. Vì là người nhà với ông T, nên nói cả nhóm quay lại nhà ông Th để nói chuyện, tất cả đồng ý. Sau đó, Th chở Ph, H chở Th và cùng đi, khoảng 15 giờ 30 cùng ngày các đối tượng đến gần nhà ông T thì dựng xe máy cách nhà ông Th khoảng 50 mét. Trên đường vào nhà, Th nhặt 01 khúc cây gỗ, Ph nhặt 01 hòn đá, H cầm 01 mã tấu đã mang theo, Th nhặt 01 khúc cây gỗ, T đi tay không. Khi vào nhà ông Th, H cầm dao chém vào người ông Th nhưng không trúng, Th cầm gậy đánh ông Th, ông Th bỏ chạy vào nhà. H, Th đuổi theo, H dùng mã tấu chém vào vách tường và quát ông Th nằm im, ngay lúc này Th cầm cây tiếp tục đánh ông Th, ông Th nằm ngất xỉu trong nhà. Th tiếp tục cầm cây đánh vào khuỷu tay trái của bà A. Anh C vào can ngăn, thì bị Th, Th và H cùng đuổi đánh, anh C bỏ chạy lên vườn cà phê. Lúc này, Công an xã Đ đến giải quyết thì T, Th và H bỏ chạy. T và Ph ở lại làm việc, còn ông Th, bà A và cháu được đưa đi cấp cứu. Sau khi gây án, Lê Quốc H bỏ trốn, đến ngày 21/12/2016 thì bị bắt.

Theo kết luận giám định pháp y về thương tích số 147/2016/TgT ngày 01/8/2016 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh L kết luận ông Nguyễn Văn Th gây xương đòn trái, gãy xương bàn ngón 1 tay phải, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12%.

Theo kết luận giám định pháp y về thương tích số 116/2016/TgT ngày 04/7/2016 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh L kết luận bà Nguyễn Thị Ngọc A bị vết trầy xước khuỷu tay và cổ tay trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 2%.

Vụ thứ hai: Sau khi uống rượu tại quán M, ở tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện H, tỉnh L đến khoảng 17 giờ ngày 29/6/2014, Lê Quốc H cùng bạn là Phạm Văn Ch đi về thì gặp nhóm của Lương Trần Hoàng A (còn gọi là L), Mai Xuân D, Kim Thị Trà M, Bùi Thị Thanh H tới quán M. Lúc này H có nghe tiếng chửi và nghĩ là nhóm của Hoàng A chửi mình, nên H và C đi theo nhóm của Hoàng A vào phòng số 03 của quán M. Vào tới phòng, H hỏi “Hồi nãy đưa nào chửi tao”, Hoàng A trả lời “Là tao chửi đấy! làm gì tao”. Ch liền giơ tay đánh về phía Hoàng A và D, thì D và Hoàng A dùng ghế nhựa có sẵn trong quán đánh về phía Ch. Thấy vậy, H nhảy lên bàn, rút 01 con dao từ trong túi áo khoác, dài khoảng 15cm, mũi nhọn, cán bằng Inox, đâm 01 nhát vào cổ bên trái của Hoàng A, Hoàng A bỏ chạy ra ngoài thì bị H đuổi the đâm tiếp 01 nhát vào tay trái và 01 nhát vào mông trái. Sau đó Hoàng A được mọi người đưa đi cấp cứu, còn H và Ch bỏ trốn, trên đường bỏ trốn, H đã rút con dao gây án.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 27/2014/TgT ngày 22/9/2014 của Trung tâm pháp y tỉnh L, kết luận Lương Trần Hoàng A bị vết thương cổ gáy trái có tổn thương mạch máu có hạn chế động tác cánh tay trái, vết thương 1/3 dưới cẳng tay trái 01cm, vết thương mông trái 02cm, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 16%.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 20 giờ ngày 14/9/2016, H đi vào thôn P, xã Đ, huyện R để chơi. Khi đi qua một nhà dân ở ven đường, nhìn thấy trước sân dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 49C1-015.81, không có người trông coi. H đi lại dùng vạm phá khóa mang theo, phá ổ khóa điện của xe. Sau đó H dắt chiếc xe ra ngoài đường, nổ máy rồi điều khiển xe ra nhà bạn là Kiều Huy H, trú tại thôn X, thị trấn V, huyện H, nhờ H đem chiếc xe trộm cắp được cầm cho anh Nguyễn Huy H, trú tại số 3 thị trấn V, huyện H với số tiền 7.000.000 đồng. Sau đó H bán luôn chiếc xe trên cho anh Nguyễn Huy H với giá 8.000.000 đồng. Theo Thông báo kết luận định giá tài sản số 44 ngày 30/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản huyện R, kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 49C1-015.81 có giá trị 10.080.000 đồng.

Vụ thứ tư: Trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2016, tại địa bàn thành phố Đ, tỉnh L; H cùng với cùng với đối tượng Giàng Trang Th, sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã V, huyện H, tỉnh L thực hiện 03 lần trộm cắp 03 xe mô tô và H thực hiện 08 lần trộm cắp 08 chiếc xe mô tô bao gồm: 01 xe nhãn hiệu Yamaha Sirius 5C64, mâm đúc, biển kiểm soát 49N3-8656, có giá trị 7.400.000 đồng; 01 xe nhãn hiệu Yamaha Sirius 5C6J, thắng đùm, biển kiểm soát 49B1-529.20, có giá trị 10.000.000 đồng; 01 xe nhãn hiệu Yamaha Sirius 5C64, thắng đĩa, biển kiểm soát 49V6-3584, có giá trị 7.800.000 đồng; 01 xe nhãn hiệu Yamaha Sirius 5C6H, thắng đĩa, không có biển kiểm soát, số khung RLCS5C6H0 FY 172434, số máy 5C6H 172456, có giá trị 11.200.000 đồng; 01 xe nhãn hiệu Yamaha Sirius 5C63, thắng đùm, biển kiểm soát 49P1-035.25, có giá trị 7.800.000 đồng; 01 xe nhãn hiệu Yamaha Sirius 5C63, thắng đùm, biển kiểm soát 49P1-018.53, có giá trị 7.800.000 đồng; 01 xe nhãn hiệu Yamaha Sirius 5C63, thắng

đùm, không có biển kiểm soát, số khung RLCS5C630 AY 399355, số máy 5C63 399386, có giá trị 7.000.000 đồng; 01 xe nhãn hiệu Yamaha Sirius 5C6J, thắng đùm, không có biển kiểm soát, số khung RLCS5C6J0 GY 187270, số máy 5C6J 187282, có giá trị 7.300.000 đồng; 01 xe nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 79D1-390.15, có giá trị 39.750.000 đồng; 01 xe nhãn hiệu Detech, kiểu dáng Exciter, không có biển kiểm soát, có giá trị 3.500.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ được 11 xe mô tô trên, 01 vạm phá khóa xe máy tự chế bằng kim loại. Quá trình điều tra xác định, sau khi trộm cắp xe máy tại Thành phố Đ, H đã đem 08 chiếc xe về thôn Đ, xã Đ bán lại cho bà Lê Thị H 01 chiếc với giá 4.500.000 đồng, bị cáo đã nhận 2.000.000 đồng; Bán cho ông Nguyễn Văn L 02 chiếc với giá là 5.000.000 đồng và 5.200.000 đồng; Bán cho ông Huỳnh Văn Q 01 chiếc với giá là 6.000.000 đồng; Bán cho ông Cẩm Bá Th 01 chiếc với giá là 4.000.000 đồng; Bán cho bà Đặng Thị T 01 chiếc với giá là 5.000.000 đồng; Bán cho bà Từ Thị Nh 01 chiếc với giá là 6.000.000 đồng; Bán cho ông Lê Văn Tr 01 chiếc với giá là 5.000.000 đồng và cho ông Trần Ngọc Th mượn 01 chiếc để sử dụng, để ở nhà ông Lê Văn H 01 chiếc; Bị cáo sử dụng 01 chiếc. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius do H trộm cắp tại Thành phố Đ, sau đó đem bán cho Nguyễn Văn L với giá 5.200.000 đồng, sau đó L bán lại chiếc xe này cho một thanh niên không rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có kết quả, không thu giữ được chiếc xe mô tô này nên không đủ cơ sở để định giá. Toàn bộ số tiền bán xe H đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại phiên bị cáo Lê Quốc H khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 27/QĐ-KSĐT ngày 27/11/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng để xét xử bị cáo Lê Quốc H về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a, khoản 1, khoản 2, Điều 104 Bộ luật hình sự và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại các điểm b, e, khoản 2, Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Quốc H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm a, khoản 1, khoản 2, Điều 104; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7; Điểm c, đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt bị cáo H từ 2 đến 3 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”

Áp dụng Điểm b, e, Khoản 2 Điều 138; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo H từ 3 đến 4 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự; Tổng hợp hình phạt của hai tội từ 5 năm đến 7 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Lương Trần Hoàng A có yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ nên tách ra để xem xét bằng một vụ án khác. Đối với người bị hại ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ngọc A đã được giải quyết việc bồi thường thiệt hại theo Bản án số 01/2017/HSST ngày

05/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện R; Người bị hại ông Bàn Tiến Đ, ông Nguyễn Xuân Th, ông Nguyễn Văn L, ông Lê Đình Minh Nh, ông Lê Văn Ph; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị H, ông Cẩm Bá Th, bà Đặng Thị T, bà Từ Thị Nh, ông Lê Văn Tr không yêu cầu trả lại số tiền đã bỏ ra mua xe của bị cáo H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc Th, ông Lê Văn H là người sử dụng, phát hiện tài do trộm cắp bị thu giữ. Do đó không đề cập xem xét.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Q yêu cầu bị cáo H phải trả lại số tiền 6.000.000 đồng đã bỏ ra mua xe, ông Nguyễn Huy H yêu cầu bị cáo H trả số tiền 7.000.000 đồng ông bỏ ra cầm xe nên buộc bị cáo H phải trả số tiền theo yêu cầu của ông Q, ông H.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 vạm phá khóa tự chế bằng kim loại là công cụ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 06 xe mô tô chưa xác định được chủ sở hữu nên tuyên giao cho Công an huyện Đam Rông xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo H: Bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình để làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện R, Cơ quan điều tra Công an huyện H, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh L; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện R, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Lê Quốc H tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Quốc H phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điểm b, e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Do đó việc truy tố bị cáo Lê Quốc H về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự và tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điểm b, e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự của Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh L là có cơ sở và đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lê Quốc H:

Đối với tội cố ý gây thương tích: Bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã gây thương tích cho nhiều người cụ thể là bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm trong việc gây thương tích cho ông Nguyễn Văn Th gây xương đòn trái, gãy xương bàn ngón 1 tay phải, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12%; Gây thương tích cho bà Nguyễn Thị Ngọc A bị vết trầy xước khuỷu tay và cổ tay trái, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 2%; Bị cáo trực tiếp đâm gây thương tích cho ông Lương Trần Hoàng A ở cổ gáy trái có tổn thương mạch máu, có hạn chế động tác cánh tay trái, vết thương 1/3 dưới cẳng tay trái 01cm, vết thương mông trái 02cm, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 16%.

Đối với tội trộm cắp tài sản: Bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, có tính chất chuyên nghiệp, bị cáo đã lén lút, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 12 chiếc xe máy; Thu giữ, định giá được 11 chiếc với tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 119.630.000 đồng, 01 một chiếc không thu giữ được nên không đủ căn cứ để định giá, xử lý.

Trong vụ án này còn có Giàng Trang Th, đã tham gia cùng với Lê Quốc H trộm cắp 03 xe mô tô và Phạm Văn Ch tham gia cùng với bị cáo trong việc gây thương tích cho ông Lương Trần Hoàng A. Sau khi tham gia cùng với bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có kết quả nên đã tách ra để xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H có 01 tiền sự, đây tình tiết về nhân thân để xem xét, quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với người bị hại ông Lương Trần Hoàng A có yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng chưa cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa nên tách yêu cầu bồi thường thiệt hại để xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với người bị hại ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Ngọc A đã được giải quyết việc bồi thường thiệt hại theo Bản án số 01/2017/HSST ngày 05/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh L.

Đối với người bị hại ông Bàn Tiến Đ, ông Nguyễn Xuân Th, ông Nguyễn Văn L, ông Lê Đình Minh Nh, ông Lê Văn Ph; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị H, ông Chăm Bá Th, bà Đặng Thị T, bà Từ Thị Nh, ông Lê Văn Tr không yêu cầu trả lại số tiền đã bỏ ra mua xe của bị cáo H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc Th là người sử dụng tài sản do trộm cắp bị thu giữ, ông Lê Văn H là người phát hiện, giao nộp tài sản do trộm cắp và ông Th, ông H không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Q yêu cầu bị cáo H phải trả lại số tiền 6.000.000 đồng ông đã bỏ ra mua xe của bị cáo, ông Nguyễn Huy H yêu cầu bị cáo H trả lại cho ông số tiền 7.000.000 đồng ông đã bỏ ra để cầm xe của bị cáo. Bị cáo H chấp nhận trả toàn bộ số tiền theo yêu cầu của ông Q, ông H. Do đó, cần áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, buộc bị cáo H phải trả số tiền này cho ông Q, H.

Đối với số tiền 27.000.000 đồng do bị cáo H mua bán tài sản trộm cắp mà có nên cần áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Buộc bị cáo H phải nộp sung quỹ Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 49B1-529.20 của ông Lê Đình Minh Nh; Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius không gắn biển kiểm soát, số khung RLCS5C6HOFY 172434, số máy 5C6H 172456 của ông Nguyễn Nguyễn Văn Đ; Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius không gắn biển kiểm soát, số khung RLCS5C6JOGY 187270, số máy 5C65 187282 của ông Nguyễn Văn L; Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 49C1-015.81 của ông Bàn Tiến Đ; Chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển kiểm soát 79D1-390.15 của ông Lê Văn Ph; Quá trình điều tra đã xác định chủ sở hữu nêu trên nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với 06 xe mô tô gồm: 01 (Một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius 5C64, biển kiểm soát 49N3-8656, 01 (Một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius 5C64, biển kiểm soát 49V6-3584, 01 (Một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius 5C63, biển kiểm soát 49P1-035.25, 01 (Một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius 5C63, biển kiểm soát 49P1-018.53; 01 (Một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius 5C63, không biển kiểm soát, số khung RLCS5C630 AY 399355, số máy 5C63399386, 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Detech, kiểu dạng Exciter, không biển kiểm soát chưa xác định được chủ sở hữu nên cần tuyên giao cho Công an huyện R, tỉnh L xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 vạm phá khóa tự chế bằng kim loại là công cụ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Áp dụng vào khoản 2, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Quốc H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả tiền cho ông Q, ông H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Quốc H** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Trộm cắp tài sản*”;

- Áp dụng khoản 2, Điều 104; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật hình sự số 15/1999/QH10. Khoản 3 Điều 7; Điểm c, đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt bị cáo Lê Quốc H 03 (Ba) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Áp dụng Điểm b, e Khoản 2 Điều 138; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật hình sự số 15/1999/QH10;

Xử phạt bị cáo Lê Quốc H 04 (Bốn) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật hình sự số 15/1999/QH10;

Tổng hợp hình phạt của tội “*Cố ý gây thương tích*” và tội “*Trộm cắp tài sản*”; Buộc bị cáo Lê Quốc H phải chấp hành hình phạt của hai tội là 07 (Bảy) năm tù; Thời hạn tù được tính từ ngày 21 tháng 12 năm 2016.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự năm 1999;

Buộc bị cáo Lê Quốc H có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Văn Q số tiền 6.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Lê Quốc H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Huy H số tiền 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Quốc H phải nộp sung quỹ Nhà nước số tiền 27.000.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (Một) vạm phá khóa tự chế bằng kim loại.

Giao cho Cơ quan Công an huyện R, tỉnh L xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật gồm 06 xe mô tô cụ thể như sau: 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius 5C64, biển kiểm soát 49N3-8656, 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius 5C64, biển kiểm soát 49V6-3584, 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius 5C63, biển kiểm soát 49P1-035.25, 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius 5C63, biển kiểm soát 49P1-018.53; 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius 5C63, không biển kiểm soát, số khung RLCS5C630 AY 399355, số máy 5C63399386, 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Detech, kiểu dạng Exciter, không biển kiểm soát.

4. Về án phí: Áp dụng vào khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Quốc H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Tổng cộng là 850.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND H.Đam Rông;
- CQ Đtra CA H.Đam Rông;
- CQ THAHS H.Đam Rông;
- CC THADS H.Đam Rông;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có QL,NV liên quan;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Ngọc Bình